

Bản án số: 32/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 7- 2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lộc

Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2019/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thúy N, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/7/2019)

Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm A, xã A, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/6/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2019, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị Thúy N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thúy N và anh Lê Văn D kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2013 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sau đó vợ chồng

chung sống được với nhau hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không cùng chí hướng cho tương lai. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ ngày 06/12/2017, trong thời gian ly thân vợ chồng nhiều lần thử cố gắng quay về chung sống với nhau nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Phan Thị Thúy N xin ly hôn anh Lê Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 15/01/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Ly hôn chị N có nguyện vọng được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Duẩn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ tính từ tháng 6/2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung vợ chồng.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 09/6/2019 bị đơn anh Lê Văn D trình bày.

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Phan Thị Thúy N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tình cảm vợ chồng rất yêu thương nhau, gia đình sống rất hạnh phúc vui vẻ không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng có một con chung nhưng bị bệnh tật cần được sự chăm sóc chữa trị của cả hai vợ chồng. Anh Duẩn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chữa bệnh cho con.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 15/01/2016. Anh D không đồng ý ly hôn nên không trình bày nguyện vọng về việc nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Lê Văn D có nơi cư trú tại xóm A, xã A, huyện D, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An. Nguyên đơn chị Phan Thị Thúy N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 của BLTTDS đây là vụ án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn chị Phan Thị Thúy N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 09/6/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị Thúy N và bị đơn anh Lê Văn D.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thúy N và anh Lê Văn D kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, dẫn đến tranh cãi, không tôn trọng nhau. Vợ chồng chị N anh D đã cố gắng quay về chung sống với nhau nhưng cuộc sống chung không thể tiếp tục. Mâu thuẫn vợ chồng chị Phan Thị Thúy N và anh Lê Văn D đã đến mức trầm trọng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị Phan Thị Thúy N được ly hôn anh Lê Văn D.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 15/01/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Cháu Lê Ngọc Gia H hiện nay mới hơn 3 tuổi cần nhiều hơn sự chăm sóc của mẹ. Chị N từ trước đến nay nuôi dưỡng con chung và đảm bảo các điều kiện nuôi con chung. Xét để đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N. Anh Lê Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N 500.000đ/tháng tính từ tháng 7/2019 đến lúc con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị Thúy N và anh Lê Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thị Thúy N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thúy N được ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 15/01/2016 cho chị Phan Thị Thúy N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N 500.000đ/tháng tính từ tháng 7/2019 đến lúc con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thúy N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo biên lai số AA/2018/0004663 ngày 03/5/2019.

Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diên Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã Q, huyện Q tỉnh Quảng Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thế Kỷ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lộc

Nguyễn Thị Dung

Trần Thế Kỷ